TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/DS-ST
Ngày: 24-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(đầu tư và bao tiêu sản phẩm chuối)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thông;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2018/TLST- DS ngày 06/4/2018 về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (đầu tư và bao tiêu sản phẩm chuối)", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-DS ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã C, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H; địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn G, sinh năm 1979. Chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Nguyên đơn ông T có mặt, đại diện bị đơn Công ty H là ông Phạm Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2018, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, ngày 16/11/2016 giữa ông T với Công ty H có ký kết "hợp đồng đầu tư và bao tiêu chuối" số 83/HĐ, hợp đồng đã được Văn phòng công chứng Tây Ninh công chứng số 4789 quyển số 10.TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung hợp đồng, phía ông T đứng ra trồng chuối loại giống Cavendish trên phần đất có diện tích 03ha, phía Công ty H chịu trách nhiệm đầu tư và bao tiêu thụ toàn bộ sản phẩm chuối trồng và thu hoạch được và bao tiêu luôn cả sản lượng chuối thu hoạch. Cụ thể:

- Ông T chịu trách nhiệm trồng chuối trên diện tích là 03ha đất của gia đình, ông T tự đầu tư hệ thống điện nước tưới tiêu và chịu trách nhiệm cung cấp sản phẩm trái chuối cho Công ty H trong thời gian 05 vụ (tính theo vụ mùa, không tính theo năm).

- Công ty H chịu trách nhiệm đầu tư cung cấp cây giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, phân vi sinh. Sau khi ông T thu hoạch chuối, phía Công ty H chịu trách nhiệm bao tiêu toàn bộ sản phẩm thu hoạch được với giá cố định là 5.000 đồng/kg. Ngoài ra, Công ty H cam kết sản lượng chuối trồng đạt 60 tấn/ha, nếu sản lượng chuối thu hoạch từ 60 tấn/ha thì Công ty H sẽ thu mua hết sản lượng; còn sản lượng thu hoạch dưới 60 tấn/ha thì Công ty H sẽ bù lỗ cho ông T để làm sao cho đủ sản lượng như cam kết.

Thực hiện hợp đồng, phía Công ty H đã đầu tư cho ông T các khoản với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Cây giống: 6.000 cây, đơn giá 14.000 đồng/cây = 84.000.000 đồng;

- Thuốc bảo vệ thực vật (BVTV): 45.000.000 đồng;

- Phân bón sinh học: 108.000.000 đồng;

- Phân vi sinh: 63.000.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng, phía ông T đã thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 150.000.000 đồng, trong đó bao gồm các khoản:

- Đợt 1: Tiền cây giống tương ứng với số tiền là 25% là 21.000.000 đồng.

- Đợt 2: Tiền cây giống tương ứng với số tiền là 25% là 21.000.000 đồng; tiền thuốc BVTV 22.500.000 đồng; tiền phân bón 54.000.000 đồng và tiền phân vi sinh 31.500.000 đồng.

Quá trình trồng và chăm sóc vườn chuối, ông T đều thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật là lịch trình bón phân, tưới tiêu và phun thuốc của Công ty H. Ông T có lập nhật ký trồng chuối và mỗi lần bón phân, phun thuốc … đều có người của Công ty H giám sát và ký tên xác nhận trong nhật ký.

Đến thời điểm thu hoạch chuối, phía Công ty H không tìm được nguồn xuất khẩu sản phẩm nên không tiến hành thu mua chuối đúng như cam kết. Sau đó, Công ty H giới thiệu người mua chuối là thương lái tại chợ đầu mối Bình Điền lên mua nhưng chỉ mua với giá là 2000 đồng/kg – 2.500 đồng/kg (hiện ông T không biết địa chỉ cụ thể của người thu mua chuối). Việc bán cho thương lái chợ đầu mối với giá nêu trên có xác nhận và chấp nhận bù lỗ giá cả của Công ty H theo văn bản ngày 10/10/2017. Kết quả thu hoạch chuối vụ mùa đầu tiên, ông

T đã bán được cho các thương lái chợ đầu mối Bình Điền đạt sản lượng là 37,345 tấn/03 ha với số tiền 75.237.900 đồng (có lập sổ theo dõi sản lượng và giá tiền bán chuối), số còn lại thương lái không thu mua nên chuối bị hư bỏ tại vườn không thu hoạch.

Nay, ông T khởi kiện buộc Công ty H có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 674.762.100 đồng, cụ thể: Tiền chuối theo cam kết của Công ty H là 60 tấn/ha, tổng 03 ha là 180 tấn; giá chuối theo cam kết là 5.000 đồng/kg, thành tiền là 900.000.000 đồng. Trong khi đó, Công ty H đã đầu tư cho ông T tổng số vật tư (cây giống, phân bón, phân vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật) với số tiền 150.000.000 đồng và số tiền Công ty H đã giới thiệu thương lái chợ Bình Điền mua chuối bán được là 75.237.900 đồng, số tiền còn lại có nghĩa vụ thanh toán là 674.762.100 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn ông T cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 29/3/2018, 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông T; 01 bản sao có công chứng "hợp đồng đầu tư và bao tiêu chuối" ngày 16/11/2016 giữa ông T với Công ty H; "Giấy xác nhận" ngày 10/10/2017 ký kết giữa ông T với Công ty H; 01 bản sao sổ theo dõi "Nhật ký trồng chuối" (được đối chiếu bản gốc gồm 14 tờ giấy A4 in 02 mặt); 01 bản gốc bản cam kết lựa chọn Tòa án có thẩm quyền giải quyết; 01 bản gốc giấy kê chi phí trồng chuối do ông T lập trên giấy tập học sinh; 01 bản gốc đơn yêu cầu xác minh ngày 09/4/2018 của ông T; 01 bản tự khai ngày 15/4/2018 của ông T.

**** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn Công ty cổ phần xuất nhập khẩu H Việt Nam:***

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập được để bị đơn Công ty H biết và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng Công ty H vắng mặt suốt quá trình tố tụng không lý do.

**** Kết quả quá trình thu thập chứng cứ của Tòa án:***

Công văn số 356/CV-ĐKKD ngày 12/6/2018 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương và hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Công ty H thể hiện: Công ty H có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702411750, đăng ký lần đầu ngày 09/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 25/8/2017; địa chỉ trụ sở chính: Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Phạm Văn G – Tổng giám đốc. Tính đến nay, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương chưa nhận hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hay hồ sơ giải thể của doanh nghiệp nêu trên.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Thịnh) có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã

tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T có mặt, đại diện bị đơn là Công ty H là ông Phạm Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đại diện bị đơn theo quy định. Quan hệ pháp luật tranh chấp "tranh chấp hợp đồng dân sự (đầu tư và bao tiêu sản phẩm chuối)". Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có mặt, đại diện bị đơn Công ty H là ông Phạm Văn G được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty H theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông T khởi kiện "tranh chấp hợp đồng dân sự (đầu tư và bao tiêu sản phẩm chuối)" đối với Công ty H. Quá trình thu thập chứng cứ xác định được Công ty H có trụ sở tại địa chỉ Ấp L, xã L1, huyện D, tỉnh Bình Dương và Công ty H vẫn đang hoạt động tại địa chỉ này nên căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng dân sự (đầu tư và bao tiêu sản phẩm chuối).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2018, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty H phải thanh toán tổng số tiền là 674.762.100 đồng theo hợp đồng đầu tư và bao tiêu sản phẩm số 83/HĐ ngày 16/11/2016 giữa ông T với Công ty H được Văn phòng công chứng Tây Ninh công chứng số 4789 quyển số 10.TP/CC-SCC/HĐGD. Hợp đồng đã được công chứng hợp pháp nên đây là tình tiết, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Xem xét toàn bộ tài liệu chứng cứ của ông T cung cấp, thấy rằng:

- Theo Điều I của Hợp đồng số 83/HĐ, ông T thực hiện trồng mới chuối giống chuối Cavendish trên 03 ha đất và nhận chi phí đầu tư vụ đầu từ Công ty H với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (chia làm 03 đợt thanh toán, đợt 1 và 2 là 150.000.000 đồng, đợt 3 cuối vụ là 150.000.000 đồng); Công ty H cam kết bao tiêu toàn bộ sản phẩm chuối của ông T với giá bán chuối cố định là 5.000 đồng/kg).

- Theo Điều II của Hợp đồng số 83/HĐ, Công ty H cam kết sản lượng đạt 60 tấn/ha; trường hợp không đạt được sản lượng thì Công ty H sẽ bù lỗ cho ông T bằng số sản lượng đã cam kết; nếu sản lượng vượt quá thì Công ty H cam kết

mua hết sản lượng; Công ty H cam kết về cây giống, chất lượng giống, cử cán bộ hướng dẫn quy trình trồng, theo dõi về kỹ thuật …, cam kết nếu không thu mua sản phẩm thì sẽ bồi thường 100% chi phí đã đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Theo Điều III của Hợp đồng số 83/HĐ, ông T cam kết nếu không bán sản phẩm cho Công ty H thì sẽ bồi thường 100% chi phí đã đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Theo ông T, quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung thỏa thuận tại Điều I và Điều III của Hợp đồng số 83/HĐ, đã thanh toán được 150.000.000 đồng chi phí đầu tư, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật của Công ty H, có lập nhật ký và cán bộ kỹ thuật của Công ty H xác nhận, khi thu hoạch và bán chuối đều có thông báo cho Công ty H. Ngược lại, Công ty H không thực hiện theo đúng thỏa thuận tại Điều II của Hợp đồng số 83/HĐ, Công ty H không thu mua sản phẩm chuối như thỏa thuận và có "Biên bản xác nhận" ngày 10/10/2017.

[3.3] Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, xem xét toàn bộ tài liệu chứng cứ của ông T cung cấp và Tòa án đã xác minh thu thập được, có căn cứ xác định: Tại "Bảng kê bán chuối hộ anh T", "Biên bản xác nhận" ngày 10/10/2017 có xác nhận của Công ty H cũng như lời trình bày của ông T tại phiên tòa thể hiện Công ty H không thu mua chuối của ông T như cam kết, Công ty H giới thiệu người mua chuối là thương lái tại chợ đầu mối Bình Điền (bán chuối nội địa) nhưng chỉ mua với giá là 2000 đồng/kg – 2.500 đồng/kg, giá mua chuối thấp hơn thỏa thuận tại Điều I của Hợp đồng số 83/HĐ và Công ty H đã chấp nhận bù giá cho ông T theo thỏa thuận trong Hợp đồng số 83/HĐ. Như vậy, theo cam kết của Công ty H là 60 tấn/ha/vụ, tổng 03ha là 180 tấn/vụ; giá chuối theo cam kết là 5.000 đồng/kg, thành tiền là 900.000.000 đồng. Trong khi đó, số tiền ông T còn nợ Công ty H chi phí đầu tư là 150.000.000 đồng và số tiền ông T đã bán chuối cho thương lái chợ Bình Điền là 75.237.900 đồng, số tiền còn lại Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho ông T là 674.762.100 đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định như tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, niêm yết công khai các tài liệu chứng cứ ông T cung cấp và Tòa án đã xác minh thu thập được để Công ty H biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng phía Công ty H không hợp tác, không có ý kiến phản đối, vắng mặt không lý do. Vì vậy, không xem xét ý kiến của Công ty H.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật.

[6] Về án phí: Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ Điều 410, 413, 419, 422, 425, 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H về việc "tranh chấp hợp đồng dân sự (đầu tư và bao tiêu sản phẩm chuối)".

Buộc Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn T số tiền 674.762.100 đồng (sáu trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi hai nghìn một trăm đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu H phải chịu số tiền là 30.990.484 đồng (ba mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng).

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.495.242 đồng (mười lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0011600 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 24/8/2018).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng